TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2019/DS-PT
Ngày 29 tháng 10 năm 2019.

V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Thành

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Hiền
Ông Trần Anh Khoa

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Viết Trung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa*:** Bà Nguyễn Ngọc Trang - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Trong các ngày 28, 29 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 48/2019/TLPT-DS ngày 02 tháng 7 năm 2019, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 05/2019/DS-ST ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 49/2019/QĐ-PT ngày 27 tháng 8 năm 2019; thông báo thay đổi ngày xét xử số 13/TB-TA ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Ngọc Đ; sinh năm 1973; địa chỉ cư trú: Tổ dân phố L, phường CL, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Minh Tr; sinh năm 1985; địa chỉ cư trú: tổ dân phố N, phường B, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa (theo Giấy ủy quyền ngày 17 tháng 12 năm 2018). Có mặt.

2. *Bị đơn*: Ông Vũ Quang Kh; sinh năm 1962 và bà Lê Thị K; sinh năm 1965; cùng địa chỉ cư trú: Tổ dân phố L, phường CL, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Trần Văn S; sinh năm 1964; địa chỉ cư trú: ST, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (theo Giấy ủy quyền ngày 26 tháng 9 năm 2019). Có mặt.

3. *Người kháng cáo*: Ông Vũ Quang Kh và bà Lê Thị K - Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 03 tháng 12 năm 2018 và quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc Đ là bà Nguyễn Thị Minh Tr trình bày*:

Ngày 26 tháng 11 năm 2017, vợ chồng ông Vũ Quang Kh, bà Lê Thị K (tên gọi khác Lê Thiên K) vay của bà Nguyễn Ngọc Đ số tiền 10.000.000 đồng và cam kết sẽ trả góp cho bà Đ mỗi ngày 200.000 đồng, góp trong vòng 53 ngày, số tiền gốc và lãi là 10.600.000 đồng. Tuy nhiên, bà K ông Kh không trả góp như đã thỏa thuận cho bà Đ. Đến ngày 03 tháng 7 năm 2018, bà K ông Kh tiếp tục vay 140.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng và cam kết trong thời hạn 03 tháng ông bà bán được nhà sẽ trả gốc và lãi của cả hai khoản vay. Tuy nhiên, đến hạn trả nợ, bà Đ nhiều lần đòi nhưng ông Kh bà K không trả. Trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, bà K có trả cho bà Đ 6.000.000 đồng. Vì vậy, bà Tr yêu cầu ông Kh, bà K phải trả cho bà Đ một lần số tiền 144.000.000 đồng và không yêu cầu tiền lãi.

** Tại bản tự khai ngày 26 tháng 12 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Lê Thị K trình bày*:

Bà K có vay trả góp tiền của bà Nguyễn Ngọc Đ từ ngày 26 tháng 11 năm 2017, với số tiền 10.000.000 đồng (thực chất vay hai lần, mỗi lần 5.000.000 đồng); mỗi ngày trả góp 400.000 đồng. Do bà K trả góp suông sẻ nên bà Đ tiếp tục đưa tiền cho bà K vay nhiều lần với tổng số tiền là 110.000.000 đồng; hàng ngày bà K phải trả góp 4.400.000 đồng cho bà Đ. Sau đó, bà K tiếp tục vay của bà Đ 30.000.000 đồng "tiền đứng" với lãi suất tiền 3.000.000 đồng/tháng. Bà K đã trả lãi được 02 tháng thì bà Đ yêu cầu bà K viết giấy nhận nợ 140.000.000 đồng và phải ghi tên chồng bà là ông Vũ Quang Kh, giấy vay tiền bà K viết ngày 03 tháng 7 năm 2018 âm lịch, giấy vay tiền chỉ một mình bà K ký. Bà K vay tiền để mua thuốc điều trị bệnh cho chồng, con và chi tiêu sinh hoạt gia đình. Bà K trả góp được 03 tháng của số tiền 110.000.000 đồng thì không còn khả năng trả nợ. Bà K đề nghị được trả nợ cho bà Đ theo phương thức trả 6.000.000 đồng/tháng vào ngày 30 hàng tháng và bắt đầu trả từ tháng 3 năm 2019 cho đến khi hết nợ.

** Tại bản tự khai ngày 02 tháng 01 năm 2019 bị đơn ông Vũ Quang Kh trình bày*:

Việc vay mượn tiền làm ăn giữa vợ ông là bà Lê Thị K và bà Nguyễn Ngọc Đ, ông hoàn toàn không biết. Trong thời gian này ông bị trọng bệnh K đại tràng điều trị và hóa trị tại bệnh viện Chợ Rẫy. Công việc làm ăn kinh tế gia đình ông giao lại cho bà Lê Thị K và con ông quản lý. Sức khỏe của ông yếu kém rất cần sự yên tĩnh để an dưỡng bệnh. Do vậy, ông đề nghị bà Đ xem xét tạo điều kiện thuận lợi, để bà K có đủ thời gian sắp xếp công việc làm ăn, có tiền trả dần nợ.

** Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án*: Giấy mượn tiền ngày 26 tháng 11 năm 2017 (bút lục 53), Giấy vay tiền ngày 03 tháng 7 năm 2018 (bút lục 52), 11 tờ giấy ký hiệu từ 1 đến 11 (bút lục 66 đến 75).

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 05/2017/DS-ST ngày 13 tháng 5 năm 2019, Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa đã quyết định:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 469 và 470 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Ngọc Đ. Buộc bà Lê Thị K, ông Vũ Quang Kh phải trả cho bà Nguyễn Ngọc Điệp số tiền 144.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi bốn triệu đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 22 tháng 5 năm 2019, bà Lê Thị K và ông Vũ Quang Kh kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 05/2017/DS-ST ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị K và ông Vũ Quang Kh là ông Trần Văn S giữ nguyên kháng cáo đề nghị hủy bản án dân sự sơ thẩm vì Tòa án cấp sơ thẩm chỉ dựa vào lời khai của nguyên đơn, không xem xét các ý kiến, chứng cứ tài liệu của bị đơn là thiếu khách quan và có vi phạm nghiêm trọng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Nguyễn Ngọc Đ là bà Nguyễn Thị Minh Tr đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa phát biểu quan điểm giải quyết vụa án: Theo giấy mượn tiền ngày 26 tháng 11 năm 2017 và giấy vay tiên ngày 03 tháng 7 năm 2018 thể hiện bà Lê Thiên K có vay mượn tiền của bà Nguyễn Ngọc Đ, tổng số tiền 150.000.000 đồng. Tại bản tự khai và các biên bản hòa giải, bà Lê Thị K thừa nhận bà cũng là Lê Thiên K đã ký vào các giấy vay mượn tiền trên với bà Đ và xác nhận còn nợ bà Đ 150.000.000 đồng, mục đích vay mượn tiền của bà K là mua thuốc điều trị bệnh cho chồng, con và chi tiêu sinh hoạt gia đình. Tại bản tự khai ngày 02 tháng 01 năm 2019, ông Vũ Quang Kh trình bày: trong thời gian ông bị trọng bệnh K đại tràng điều trị và hóa trị tại bệnh viện Chợ Rẫy, công việc làm ăn kinh tế gia đình ông giao lại cho bà Lê Thị K và con ông quản lý. Sức khỏe của ông yếu, rất cần sự yên tĩnh để an dưỡng bệnh nên theo khoản 2 điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình, ông Kh có trách nhiệm cùng với bà K trả nợ cho bà Đ. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ

luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 05/2019/DS-ST ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Vũ Quang Kh và bà Lê Thị K kháng cáo bản án sơ thẩm và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm trong thời hạn luật định, nên nội dung kháng cáo của ông Kh, bà K được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn đều xác định không nộp thêm tài liệu chứng cứ so với giai đoạn xét xử sơ thẩm.

[3] Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cho rằng lãi suất vay giữa bà K và bà Đ là 30%/tháng; tài liệu để chứng minh là 11 tờ giấy ký hiệu từ 1 đến 11 (bút lục 66 đến 75). Trên các tài liệu này không ghi thông tin về số tiền nợ, số tiền trả nợ, không ghi đầy đủ ngày tháng năm; người đại diện theo ủy quyền của bị đơn không lý giải được các thông được ghi trên các tài liệu này và xác nhận đây là tài liệu do bà K tự viết để theo dõi các khoản nợ, không có xác nhận của bà Đ và không được người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thừa nhận nên không có căn cứ để chấp nhận lời trình bày về lãi suất của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn.

[4] Quá trình giải quyết vụ án, bà Lê Thị K thừa nhận có vay tiền của bà Nguyễn Ngọc Đ để trả tiền góp, mua thuốc điều trị bệnh cho chồng, con và chi tiêu sinh hoạt gia đình (bút lục 33k, 33ơ). Giấy mượn tiền ngày 26 tháng 11 năm 2017 có nội dung bà K mượn bà Đ 10.000.000 đồng và Giấy vay tiền ngày 03 tháng 7 năm 2018 có nội dung bà K mượn bà Đ 140.000.000 đồng đã được bà K thừa nhận là do bà K viết và ký tên nên bà K phải chịu trách nhiệm trả số tiền này cho bà Đ.

[5] Về việc người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cho rằng ông Kh không liên quan đến các khoản nợ giữa bà K với bà Đ. Hội đồng xét xử xét thấy: ông Kh trình bày "trong thời gian này ông bị trọng bệnh K đại tràng điều trị và hóa trị tại bệnh viện Chợ Rẫy; công việc làm ăn kinh tế gia đình ông giao lại cho bà Lê Thị K" (bút lục 16); bà K thừa nhận có vay tiền của bà Đ để mua thuốc điều trị bệnh cho chồng, con và chi tiêu sinh hoạt gia đình nên nghĩa vụ trả nợ cho bà Đ là nghĩa vụ chung của vợ chồng bà K và ông Kh.

[6] Việc tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cấp sơ thẩm cho ông Vũ Quang Kh đều được bà Lê Thị K ký nhận và cam kết giao cho ông Kh là đúng với quy định tại khoản 5 Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự.

[7] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đề nghị được trả nợ cho bà Đ 134.000.000 đồng nhưng phía nguyên đơn không chấp thuận.

[8] Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết vụ án đúng theo các quy

định của Bộ luật tố tụng dân sự; nội dung quyết định của bản án dân sự sơ thẩm là hoàn toàn có căn cứ. Ý kiến của ông Vũ Quang Kh, bà Lê Thị K và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn không được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận.

[9] Về án phí: Kháng cáo của ông Vũ Quang Kh và bà Lê Thị K không được chấp nhận nên ông Kh và bà K phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự,

Không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị K và ông Vũ Quang Kh, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ các Điều 463, 466, 469 và 470 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Ngọc Đ. Buộc bà Lê Thị K, ông Vũ Quang Kh phải trả cho bà Nguyễn Ngọc Đ số tiền 144.000.000 (một trăm bốn mươi bốn triệu) đồng.

2. Về án phí: Bà Lê Thị K, ông Vũ Quang Kh phải nộp 7.200.000 (bảy triệu hai trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Lê Thị K, ông Vũ Quang Kh phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0000482 ngày 21 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. Bà K, Ông Kh đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn lại cho bà Nguyễn Ngọc Đ 3.750.000 (ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0000164 ngày 13 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

3. Quy định: kể từ ngày bà Nguyễn Ngọc Đ có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Lê Thị K, ông Vũ Quang Kh chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 29 tháng 10 năm 2019).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Trung Thành

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- TAND thành phố C;
- Chi cục THADS Tp. C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.